CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA CƠ CHẾ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

*Nguyễn Bá Diến**

Các nguyên tắc cơ bản của cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) có vai trò rất quan trọng trong việc chỉ đạo, định hướng và áp dụng vào toàn bộ các quá trình của cơ chế thực thi quyền SHTT. Đó là những nguyên lý, những tư tưởng chỉ đạo cơ bản, có tính chất xuất phát điểm, thể hiện tính toàn diện, xuyên suốt và có ý nghĩa bao trùm, quyết định nội dung hiệu quả và hiệu lực của việc thực thi quyền SHTT. Vì vậy ở bất cứ hệ thống pháp luật nào, để xây dựng và vận hành một cách hiệu quả cơ chế thực thi quyền SHTT, cần phải xây dựng và hoàn thiện cho được một hệ thống các nguyên tắc cơ bản về bảo hộ và thực thi.

Các nguyên tắc cơ bản của cơ chế thực thi quyền SHTT, ở một chừng mực nhất định, đã được quy định trong các điều ước quốc tế và cũng được ghi nhận ở hầu hết các nước phát triển. Đối với Việt Nam, một quốc gia đang trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện chính sách về pháp luật bảo hộ quyền SHTT, việc xây dựng các nguyên tắc cơ bản về thực thi quyền SHTT phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế, tương thích với pháp luật của các nước trong khu vực và trên thế giới là một đòi hỏi cấp thiết nhằm phúc đáp chiến lược chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1. Nguyên tắc cơ bản của cơ chế thực thi quyền SHTT theo các điều ước quốc tế

1.1. Các điều ước quốc tế song phương

1.1.1. Hiệp định về quyền tác giả Việt Nam - Hoa Kỳ[1]

Hiệp định về quyền tác giả Việt Nam - Hoa Kỳ đã ghi nhận một số nguyên tắc cơ bản sau:

- Nguyên tắc đối xử quốc gia (Điều 2). Theo nguyên tắc này, "mỗi Bên[2] ký kết, phù hợp với luật và các thủ tục của mình sẽ dành cho các tác phẩm của những tác giả, nhà sáng tạo và nghệ sĩ là công dân hoặc người thường trú của Bên ký kết kia và cho các tác phẩm công bố lần đầu tại lãnh thổ của Bên ký kết kia sự bảo hộ quyền tác giả không kém thuận lợi hơn sự bảo hộ mà Bên đó dành cho công dân nước mình".

- Theo Điều 6 của Hiệp định, các Bên sẽ quy định việc thi hành đầy đủ và hiệu quả quyền tác giả trong phạm vi lãnh thổ nước mình, bao gồm: a) Áp dụng trong phạm vi thủ tục dân sự lệnh đình chỉ tạm thời, lệnh đình chỉ vô thời hạn, việc bồi thường thiệt hại, tịch thu, phá huỷ những sản phẩm xâm phạm, các vật tư, máy móc được sử dụng chủ yếu để tạo ra chúng; b) Quy định thủ tục tố tụng và hình phạt hình sự được áp dụng trong trường hợp đánh cắp quyền tác giả ở quy mô thương mại, bao gồm cả việc quy định phạt tiền, phạt tù đủ để răn đe, việc tịch thu, phá huỷ những sản phẩm xâm phạm, các vật tư, máy móc được sử dụng chủ yếu để tạo ra chúng và; c) Quy định về việc thi hành có hiệu quả tại biên giới bao gồm cả việc tịch thu, phá huỷ những sản phẩm xâm phạm đang quá cảnh hoặc chuẩn bị để nhập khẩu, xuất khẩu. Khoản 2 Điều 6 Hiệp định này còn ghi nhận: Pháp luật của hai Bên ký kết sẽ bao gồm những quy định cụ thể hoá các biện pháp thi hành, thủ tục và hình phạt nói trên.

---

* PGS.TS Chủ nhiệm Bộ môn Luật Quốc tế - Khoa Luật - ĐHQG Hà Nội

[1] Hiệp định này được ký kết ngày 26/7/1997 và có hiệu lực từ ngày 23/12/1998.

[2] Các "Bên" ở đây bao gồm Hoa Kỳ và Việt Nam.

1.1.2. Hiệp định về quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ[3]

Theo Hiệp định này, mỗi Bên dành cho công dân của Bên kia sự bảo hộ và thực thi đầy đủ và có hiệu quả đối với quyền SHTT trong lãnh thổ của mình; bảo đảm rằng các biện pháp bảo hộ và thực thi quyền SHTT không cản trở hoạt động thương mại chính đáng (Điều 1 Chương 2); mỗi Bên quy định trong luật quốc gia của mình những thủ tục cho phép hành động một cách có hiệu quả chống lại việc xâm phạm các quyền SHTT. Các thủ tục đó bao gồm các biện pháp kịp thời để ngăn chặn xâm phạm và các chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa xâm phạm. Các thủ tục thực thi quyền theo cách thức không gây cản trở đối với hoạt động thương mại chính đáng và có các biện pháp bảo vệ có hiệu quả chống sự lạm dụng; các thủ tục thực thi quyền phải đúng đắn và công bằng, không quá phức tạp hoặc tốn kém và không có những giới hạn bất hợp lý về thời gian hoặc sự chậm trễ không chính đáng; các quyết định giải quyết vụ việc phải tuân theo thủ tục hành chính và thủ tục xét xử (Điều 11 Chương 2); Cho phép các cơ quan tư pháp của mình được ban hành lệnh áp dụng các biện pháp tạm thời một cách kịp thời và có hiệu quả để ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền SHTT (Điều 13 Chương 2).

Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (Điều 3 Chương 2) còn ghi nhận một nguyên tắc quan trọng trong việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT: nguyên tắc đối xử quốc gia. Theo đó, mỗi Bên dành cho công dân của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho công dân của mình trong việc xác lập, bảo hộ, hưởng và thực thi tất cả các quyền SHTT và mọi lợi ích có được từ các quyền đó.

1.1.3. Hiệp định về bảo hộ SHTT và hợp tác trong lĩnh vực SHTT Việt Nam - Thụy Sỹ[4]

Theo Hiệp định này, việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT phải được dựa trên một số các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT phải được thực hiện một cách thoả đáng, hữu hiệu và không phân biệt;

- Các Bên ký kết sẽ dành cho công dân của nhau sự đối xử không kém phần thuận lợi hơn sự đối xử mà mỗi Bên ký kết dành cho công dân nước mình trong việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT. Việc miễn giảm nghĩa vụ này phải theo quy định của Hiệp định TRIPs - nguyên tắc Đối xử quốc gia (khoản 1 Điều 4);

- Đối với việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT, bất kỳ một sự ưu tiên, chiếu cố, đặc quyền hoặc sự miễn trừ nào đó được một Bên ký kết dành cho công dân của bất kỳ nước nào khác cũng phải được lập tức và vô điều kiện dành cho công dân của Bên ký kết kia. Việc miễn giảm nghĩa vụ này phải theo quy định của Hiệp định TRIPS - nguyên tắc Đối xử tối huệ quốc (khoản 2 Điều 4).

Như vậy, khác với các Hiệp định về SHTT đã được ký kết giữa Việt Nam - Hoa Kỳ, với việc áp dụng đồng thời hai nguyên tắc: nguyên tắc Đối xử quốc gia và nguyên tắc Tối huệ quốc, Hiệp định bảo hộ quyền SHTT Việt Nam - Thụy Sỹ đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc bảo hộ và thực thi toàn diện quyền SHTT ở hai nước.

1.2. Các điều ước quốc tế đa phương

1.2.1. Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật[5]

Đây là một trong những Điều ước quốc tế đa phương mang tính chất toàn cầu và Việt Nam đã chính thức gia nhập từ ngày 24/10/2004. Công ước đặt ra ba nguyên tắc cơ bản và một loạt các quy định xác định sự bảo hộ và thực thi tối thiểu cũng như các quy định đặc biệt dành cho các nước đang phát triển.

---

[3] Hiệp định này được ký kết ngày 13/7/2000 và có hiệu lực từ ngày 11/12/2002.

[4] Hiệp định này được ký kết ngày 7/7/1999 và có hiệu lực từ 8/6/2000.

[5] Công ước này được ký kết tại Berne năm 1886.

- Nguyên tắc Đối xử quốc gia: việc bảo hộ tác phẩm có nguồn gốc từ quốc gia thành viên của Công ước tương tự như sự bảo hộ tác phẩm của công dân chính quốc gia mình (tác phẩm có nguồn gốc từ các quốc gia thành viên của Công ước là tác phẩm mà tác giả của tác phẩm là công dân của một nước thành viên hoặc tác phẩm được công bố tại một nước thành viên);

- Nguyên tắc bảo hộ đương nhiên (bảo hộ tự động): quyền tác giả phát sinh ngay khi tác phẩm được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định không lệ thuộc vào bất kỳ thủ tục hình thức nào như đăng ký, nộp lưu chiểu hoặc các thủ tục tương tự;

- Nguyên tắc bảo hộ độc lập: việc hưởng và thực thi các quyền theo Công ước là độc lập với những gì hiện được hưởng tại nước xuất xứ của tác phẩm. Tuy nhiên, nếu một nước thành viên có quy định thời hạn bảo hộ dài hơn quy định tối thiểu nêu trong Công ước và tác phẩm chấm dứt được bảo hộ tại nước xuất xứ, sự bảo hộ có thể bị từ chối (tại nước có thời hạn bảo hộ dài hơn này) khi sự bảo hộ tại nước xuất xứ đã kết thúc.

1.2.2. Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp[6]

Đây là một trong những điều ước quốc tế toàn cầu và lâu đời nhất. Việt Nam là thành viên của Công ước từ năm 1949. Công ước quy định một số các nguyên tắc cơ bản như sau:

- Nguyên tắc Đối xử Quốc gia. Theo nguyên tắc này, đối với việc bảo hộ SHCN, mỗi nước thành viên phải dành cho công dân của các nước thành viên khác sự bảo hộ tương tự như sự bảo hộ dành cho công dân của mình. Chế độ đối xử quốc gia cũng phải được dành cho công dân của nước không phải là thành viên của Công ước nếu họ cư trú hoặc có cơ sở kinh doanh tại một nước thành viên. Liên quan đến nguyên tắc Đối xử quốc gia, Công ước đã đặt ra một số ngoại lệ nhất định: các quy định của luật pháp quốc gia liên quan đến thủ tục xét xử và thủ tục hành chính, thẩm quyền xét xử, việc lựa chọn địa chỉ giao dịch hoặc chỉ định đại diện được bảo lưu;

- Nguyên tắc quyền ưu tiên. Theo nguyên tắc này, quyền ưu tiên được áp dụng đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp. Trên cơ sở một đơn hợp lệ đầu tiên đã được nộp tại một trong số các nước thành viên, trong một thời hạn nhất định (12 tháng đối với sáng chế và giải pháp hữu ích, 6 tháng đối với nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp) người nộp đơn có thể nộp đơn yêu cầu bảo hộ tại bất cứ nước thành viên nào khác và các đơn nộp sau sẽ được coi như đã được nộp vào cùng ngày với ngày nộp đơn đầu tiên. Nói một cách khác, những đơn nộp sau đó sẽ có quyền ưu tiên đối với các đơn có thể đã được những người khác nộp trong khoảng thời gian ưu tiên nói trên cho chính sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp đó;

- Nguyên tắc cấp li-xăng không tự nguyện. Để ngăn ngừa sự lạm dụng độc quyền patent, các nước thành viên chỉ có thể cấp li-xăng không tự nguyện nếu sau 3 năm kể từ ngày cấp patent hoặc 04 năm kể từ ngày nộp đơn patent, sáng chế được cấp patent không được khai thác hoặc không được khai thác đủ mức đáp ứng nhu cầu xã hội và nếu chủ patent không có những lý do hợp pháp để biện minh cho việc không khai thác sáng chế đó;

- Nguyên tắc chống cạnh tranh không lành mạnh. Theo nguyên tắc này, mỗi nước thành viên phải dành sự bảo hộ có hiệu quả nhằm chống cạnh tranh không lành mạnh. Công ước không quy định cụ thể cách thức bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạnh mà các quốc gia có quyền tự quy định trong luật của mình. Điều 10bis quy định nguyên tắc xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh và một danh mục về một số hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

1.2.3. Hiệp định TRIPS

[6] Công ước này được ký kết năm 1883 tại Paris.

Các nguyên tắc chính của việc thực thi quyền SHTT – theo quy định tại Điều 41 TRIPS - bao gồm:

i) Luật pháp của các nước thành viên phải có các thủ tục thực thi quyền, bao gồm các biện pháp và chế tài dân sự và hành chính, hình sự, các biện pháp khẩn cấp tạm thời và các biện pháp kiểm soát tại biên giới; nhằm tạo khả năng khiếu kiện có hiệu quả đối với mọi hành vi xâm phạm các loại quyền SHTT, trong đó có các biện pháp chế tài nhằm ngăn chặn các hành vi xâm phạm và những biện pháp chế tài nhằm không để các hành vi xâm phạm tái diễn. Các thủ tục đó phải được áp dụng theo cách thức nhằm tránh tạo ra các rào cản đối với hoạt động thương mại hợp pháp và bảo đảm cho các thủ tục đó không bị lạm dụng;

ii) Thủ tục liên quan đến việc thực thi quyền SHTT phải đúng đắn, công bằng, không quá phức tạp hoặc tốn kém, không chậm trễ với những thời hạn bất hợp lí hoặc việc trì hoãn vô thời hạn;

iii) Các quyết định phán xử vụ việc được thể hiện bằng văn bản, nêu rõ lí do và được trao cho các bên liên quan không được chậm trễ, quyết định chỉ dựa vào chứng cứ mà các bên đều đã được có cơ hội trình bày;

iv) Các bên tham gia khiếu kiện phải có quyền yêu cầu cơ quan tư pháp xem xét lại các quyết định hành chính theo thủ tục tư pháp;

v) Hệ thống tư pháp để thực thi các quyền SHTT không phải tách biệt với hệ thống tư pháp để thực thi pháp luật nói chung.

Ngoài ra, Điều 8 TRIPs cũng nêu một số nguyên tắc chung khác trong hệ thống bảo hộ quyền SHTT như:

i) Trong quy định pháp luật của mình, các nước có thể thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm vấn đề y tế và dinh dưỡng cho nhân dân, và thúc đẩy lợi ích công cộng trong những lĩnh vực có tầm quan trọng sống còn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội và công nghệ của mình, với điều kiện là các biện pháp này không được trái quy định của TRIPs (đây chính là nguyên tắc cân bằng lợi ích);

ii) Những biện pháp phù hợp để ngăn ngừa sự lạm dụng các quyền SHTT bởi những người nắm quyền hoặc ngăn chặn các hành vi gây cản trở hoạt động thương mại một cách bất hợp lí hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chuyển giao công nghệ quốc tế.

Những quy định này đã được ghi nhận và áp dụng tương tự trong nhiều Điều ước quốc tế khác về SHTT cũng như Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ, Hiệp định Việt Nam – Thụy Sỹ về SHTT.

Đây là những nguyên tắc hay những yêu cầu chung đặt ra có ý nghĩa như những tư tưởng chỉ đạo toàn bộ quá trình và các hoạt động thực thi quyền SHTT. Đối chiếu với những nguyên tắc này, chúng ta có thể thấy pháp luật Việt Nam còn thiếu vắng hẳn những quy phạm trực tiếp quy định về nguyên tắc thực thi quyền SHTT.

2. Nguyên tắc của cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật quốc gia

2.1. Theo pháp luật các nước

2.2.1 Nguyên tắc bảo hộ và thực thi quyền SHTT tại các nước Liên minh châu Âu (EU)

Nghiên cứu so sánh pháp luật quốc tế về vấn đề này, có thể thấy rằng nguyên tắc thực thi quyền SHTT rất được coi trọng và được ghi nhận rõ ràng trong pháp luật. Pháp luật SHTT của Liên minh châu Âu (EU) đề cao nguyên tắc bảo hộ và thực thi quyền SHTT với những nội dung cơ bản như:

- Bảo hộ SHTT là một yếu tố quan trọng đối với thành công của thị trường nội địa. Bảo hộ SHTT phải cho phép người sáng tạo được hưởng lợi hợp pháp từ việc sáng tạo của họ, đồng thời cũng cần cho phép phát tán rộng rãi nhất có thể các tác phẩm, ý tưởng và bí quyết know-how mới. Bảo hộ SHTT không được gây cản trở cho các quyền tự do cơ bản của công dân như: tự do ngôn luận, tự do lưu thông thông tin và quyền được bảo hộ

các dữ liệu cá nhân kể cả các dữ liệu trên Internet.

- Cơ chế bảo hộ quyền SHTT thông qua việc thực thi các biện pháp buộc tôn trọng quyền SHTT trong phạm vi EU[7] hướng tới mục tiêu chính là đảm bảo một mức độ tương ứng về bảo hộ SHTT ở các quốc gia thành viên và những mục tiêu khác như: i) Kích thích đổi mới công nghệ và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp; ii) Duy trì việc làm ở châu Âu; iii) Ngăn chặn những thất thoát về thuế và tình trạng bất ổn định của các thị trường; iv) Bảo hộ người tiêu dùng; v) Đảm bảo duy trì trật tự công cộng.

- Các quốc gia thành viên phải quy định các thủ tục cần thiết nhằm đảm bảo việc tôn trọng quyền SHTT và áp dụng các biện pháp phù hợp đối với tác giả của hành vi làm giả và làm nhái hàng hóa. *Các biện pháp và thủ tục đó phải đủ hiệu quả* và mang tính ngăn chặn nhằm tránh tạo ra các trở ngại cho thương mại hợp pháp và tạo ra những cơ chế bảo vệ chống lại việc lạm dụng chúng.

Trên bình diện quốc tế, *mọi nước thành viên cũng như Cộng đồng châu Âu đều ràng buộc bởi các nghĩa vụ được quy định trong Hiệp định TRIPs* và một số công ước quốc tế mà tất cả các quốc gia thành viên tham gia cũng đã có các quy định về những biện pháp buộc tôn trọng quyền SHTT. Về cơ bản, luật nội dung về SHTT của các quốc gia thành viên đều đạt được *mức độ tương thích lẫn nhau và phù hợp với các điều ước quốc tế*. Tuy nhiên, pháp luật của các nước thành viên vẫn tồn tại những khác biệt lớn liên quan đến các biện pháp buộc tôn trọng quyền SHTT. Việc tôn trọng thực sự luật nội dung về SHTT do vậy cần phải được đảm bảo bởi một hành động riêng biệt ở cấp độ cộng đồng.

2.2.2 Nguyên tắc bảo hộ và thực thi quyền SHTT ở các nước khác

Cũng như ở các nước thuộc Liên minh châu Âu, tại các nước phát triển như Hoa Kì, Canada, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc..., việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT đều dựa trên nền tảng của các nguyên tắc của Công ước Berne, Hiệp định TRIPs và các điều ước quốc tế quan trọng khác về quyền SHTT.

2.2.3 Theo các văn bản quy phạm pháp luật trong nước của Việt Nam

Cho đến nay, kể cả Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 1995 và Bộ luật Dân sự 2005 cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác của Việt Nam chưa định ra được một cách cụ thể, rõ ràng, khoa học và toàn diện hệ thống các nguyên tắc cơ bản của việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT (mặc dù mầm mống của một số các nguyên tắc bảo hộ và thực thi quyền SHTT cũng đã được ghi nhận rải rác ở một số các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta).

Chính vì vậy, có lẽ để khắc phục tình trạng bất cập nêu trên, Dự thảo Luật SHTT Việt Nam lần thứ IV có dành riêng một phần (phần thứ năm) quy định về thực thi quyền SHTT, trong đó có một chương riêng (chương XV) về nguyên tắc thực thi quyền SHTT. Theo các điều khoản trong chương này (từ Điều 234 đến Điều 238) thì các nguyên tắc thực thi quyền SHTT bao gồm:

i) Quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT: chủ thể nắm giữ quyền SHTT có quyền yêu cầu các cơ quan bảo đảm thực thi quyền SHTT xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHTT theo quy định của pháp luật;

ii) Các biện pháp bảo đảm thực thi quyền SHTT được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHTT bao gồm: a) Các biện pháp dân sự; b) các biện pháp hành chính; và c) các biện pháp hình sự. Theo yêu cầu của chủ thể nắm giữ quyền SHTT, tổ chức, cá nhân bị nghi ngờ có hành vi xâm phạm quyền SHTT có thể bị áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm

[7] Công báo Châu Âu, JOUE L 195 ngày 02/06/2004. *Chỉ thị 2004/48/CE của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng, ngày 29/04/2004 về các biện pháp và thủ tục nhằm đảm bảo tôn trọng các quyền sở hữu trí tuệ* có hiệu lực ngày 22/06/2004, sẽ được chuyển hóa vào pháp luật của các Quốc gia thành viên vào ngày 29/04/2006.

thời và các biện pháp kiểm soát biên giới theo quy định của Luật này;

iii) Thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo đảm thực thi quyền SHTT: Cơ quan bảo đảm thực thi quyền SHTT gồm toà án, thanh tra SHTT, cơ quan quản lý thị trường, cơ quan hải quan, cơ quan công an, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trọng tài, có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo đảm thực thi quyền SHTT như sau: a) Việc áp dụng các biện pháp dân sự thuộc thẩm quyền của Toà dân sự, trừ trường hợp các bên tranh chấp có thoả thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; b) áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời thuộc thẩm quyền của Toà án; c) Việc áp dụng các biện pháp hành chính đối với hoạt động kinh doanh trong nước và xuất nhập khẩu thuộc thẩm quyền của cơ quan thanh tra SHTT, cơ quan công an, cơ quan hải quan, cơ quan quản lý thị trường, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; d) Việc áp dụng các biện pháp hình sự thuộc thẩm quyền của Toà hình sự; đ) Việc áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới thuộc thẩm quyền của cơ quan hải quan;

iv) Các biện pháp tự bảo vệ quyền SHTT: Chủ thể nắm giữ quyền SHTT có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để tự bảo vệ quyền SHTT của mình: a) Biện pháp công nghệ nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền SHTT; b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHTT phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, phải bồi thường thiệt hại; c) Thành lập hoặc tham gia hiệp hội các chủ thể nắm giữ quyền SHTT; d) Có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật; đ) Các biện pháp khác do pháp luật quy định;

v) Giám định về SHTT là việc tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về SHTT để đánh giá, kết luận về những vấn đề có liên quan đến vụ việc xâm phạm quyền SHTT được các cơ quan bảo đảm thực thi quyền SHTT thụ lý. Các cơ quan bảo đảm thực thi quyền SHTT có quyền trưng cầu giám định về SHTT để giải quyết vụ việc mà mình đang thụ lý. Chủ thể nắm giữ quyền SHTT và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền yêu cầu giám định về SHTT để bảo vệ quyền SHTT của mình.

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (đã được Quốc hội thông qua ngày 19/11/2005) vẫn giữ nguyên các các quy định nêu trên (Đ.201, Đ.202, Đ.203, Đ.204 Chương XVI Phần thứ Năm). Tuy nhiên, tiêu đề của Phần thứ năm - "Thực thi quyền SHTT" của Dự thảo lần IV lại được thay bằng "Bảo vệ quyền SHTT"; còn Chương V- "Nguyên tắc thực thi quyền SHTT" lại được thay bằng Chương XVI với tiêu đề: "Quy định về bảo vệ quyền SHTT".

Nếu so sánh những quy định này với pháp luật EU và quy định của TRIPs (như nêu trên), có thể thấy điểm khác biệt rõ nét của pháp luật Việt Nam về các nguyên tắc thực thi quyền SHTT (nếu những quy định dự thảo này được thông qua). Trong khi TRIPs đưa ra những yêu cầu rất rõ ràng (những tiêu chí cần phải đạt được) cho việc vận hành cơ chế thực thi quyền SHTT thì Luật SHTT lại chỉ định ra những quy định chung về thực thi quyền SHTT và coi đó là những "nguyên tắc thực thi quyền SHTT". Những quy định này không trực tiếp chỉ ra các yêu cầu tổng quát được coi là những tiêu chuẩn mà hệ thống thực thi quyền SHTT ở Việt Nam phải đạt được trên cơ sở hài hoà với nguyên tắc chung đã được ấn định trong Hiệp định TRIPs. Ngoài một số vấn đề được đề cập như quyền yêu cầu, các biện pháp chế tài và thủ tục thực thi, các biện pháp tự bảo vệ quyền... các vấn đề và nội dung khác được nêu trên đây chưa phải là những nguyên tắc đặt ra đối với hệ thống thực thi.

Nói cách khác, *Luật SHTT năm 2005 chưa thể hiện được một cách đầy đủ, đúng đắn tinh thần và nguyên tắc đã được ghi nhận trong TRIPs cũng như các điều ước quốc tế song phương và đa phương về bảo hộ, thực thi quyền SHTT mà Việt Nam đã và sẽ cam kết*. Dự thảo Luật này chưa có điều

khoản nào tương ứng và theo sát Điều 41 Hiệp định TRIPs. Đây có thể coi là một trong những thiếu sót rất lớn của Dự thảo Luật này. Bởi vì, việc không định ra những nguyên tắc chung hoặc có nguyên tắc nhưng không đầy đủ và xác đáng sẽ làm cho hệ thống thực thi quyền SHTT trong các quy định pháp luật cũng như trong thực tiễn thi hành không đạt được hiệu quả như yêu cầu chung của pháp luật quốc tế và mong muốn của chúng ta.

3. Các nguyên tắc cơ bản của việc bảo hộ và thực thi

Trên cơ sở các quy định của Điều ước quốc tế quan trọng về SHTT, tham khảo kinh nghiệm về thực thi pháp luật SHTT của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, căn cứ vào nhu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, phù hợp với chiến lược chủ động hội nhập kinh tế - quốc tế, để xây dựng và vận hành một cách có hiệu quả, và hiệu lực cơ chế thực thi quyền SHTT ở Việt Nam cần phải dựa trên những nguyên tắc cơ bản như sau:

Nguyên tắc thứ nhất: nguyên tắc hiện đại và khoa học. Theo nguyên tắc này, cơ chế thực thi pháp luật về quyền SHTT ở Việt Nam phải đáp ứng các tiêu chuẩn của các điều ước quốc tế về SHTT mà Việt Nam đã, đang và sẽ ký kết, tham gia (Công ước Paris 1883 về bảo hộ SHCN ; Thoả ước Madrit 1891 về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá; Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ...). Đồng thời về cơ bản, cơ chế ấy phải tương thích với hệ thống thực thi pháp luật SHTT của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Cơ chế thực thi pháp luật về quyền SHTT ở Việt Nam phải được xây dựng khoa học, đồng bộ, hệ thống và chặt chẽ, góp phần thúc đẩy hoạt động bảo hộ SHTT ở Việt Nam ngày càng phát triển ngang tầm khu vực và quốc tế.

Nguyên tắc thứ hai: nguyên tắc hiệu quả. Đây là nguyên tắc quan trọng nhất của hệ thống thực thi quyền SHTT. Nội dung cụ thể của nguyên tắc này được thể hiện rõ nét nhất ở việc thực hiện hệ thống các biện pháp chế tài thích hợp và đủ mạnh; thủ tục tiến hành các biện pháp phải linh hoạt, nhanh chóng và thuận tiện. Các cơ quan thực thi phải phát huy có hiệu quả thẩm quyền và năng lực của mình.

Một thệ thống thực thi có hiệu quả phải bao gồm các biện pháp và thủ tục cho phép hành động một cách kịp thời và hữu hiệu nhằm chống lại các hành vi xâm phạm quyền và thực tế phải đảm bảo sao cho để các hành vi xâm phạm quyền thực sự bị chống lại một cách hữu hiệu. Việc chống lại không những có tác dụng ngăn chặn mà còn phải có tác dụng ngăn ngừa sự xâm phạm quyền. Nói cách khác, hệ thống thực thi không những phải đủ sức để xử lý, chặn đứng các hành vi xâm phạm đã xảy ra mà còn đủ sức để không cho phép xảy ra các hành vi như vậy.

Để đảm bảo sự phát triển đúng hướng của hệ thống thực thi quyền SHTT (tránh khuynh hướng lạm dụng cơ chế bảo hộ quyền SHTT nhằm các mục tiêu không lành mạnh), nguyên tắc hiệu quả nêu trên luôn luôn phải gắn liền với điều kiện: các biện pháp và thủ tục thực thi chỉ được thực hiện theo cách thức và nguyên tắc không gây cản trở cho các hoạt động thương mại chính đáng và không được phép làm dụng các biện pháp đó.

Nguyên tắc thứ ba: nguyên tắc đúng đắn và công bằng. Nội dung của nguyên tắc này là hệ thống thực thi quyền SHTT phải có các biện pháp đúng đắn và công bằng được quy định và áp dụng trong hệ thống pháp luật. Mọi người đều có cơ hội ngang nhau trong việc tham gia các quan hệ pháp luật liên quan đến quyền SHTT. Các thủ tục thực thi không hạn chế một cách bất hợp lí đối với bất kỳ bên nào, đặc biệt là không được có sự hạn chế khả năng đạt được kết luận phù hợp với bản chất sự việc hoặc chứng minh sự thật. Quyết định giải quyết các vụ việc của cơ quan có thẩm quyền phải khách quan, có cơ sở và các bên liên quan trong quan hệ về quyền SHTT phải được tạo điều kiện có ý kiến yêu cầu xem xét các quyết định đó. Bị đơn phải được thông báo về việc mình bị

khiếu nại, khiếu kiện cùng với lý do và căn cứ khiếu nại; quyết định xử lý vụ việc do cơ quan có thẩm quyền đưa ra phải được thể hiện bằng văn bản và phải có sự giải thích căn cứ, lý do đưa ra quyết định đó. Các bên liên quan phải được cung cấp trong thời hạn hợp lý văn bản quyết định nói trên và phải được tạo cơ hội yêu cầu xem xét lại hoặc cơ hội kháng cáo.

Nguyên tắc thứ tư: nguyên tắc thủ tục đơn giản, minh bạch và không quá tốn kém. Ý nghĩa của nguyên tắc này là tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các bên tham gia và thực hiện quyền tự bảo vệ trong các vụ tranh chấp về quyền SHTT. Mọi quy định về điều kiện và thủ tục phải được thể hiện một cách cụ thể, rõ ràng và công khai. Các quy định về thủ tục quá phiền phức hoặc khó hiểu hoặc không được công bố đều bị coi là vi phạm nguyên tắc này. Các quy định về lệ phí, án phí quá cao, không tương xứng với chi phí hợp lý để tiến hành xét xử... cũng bị coi là không phù hợp với nguyên tắc này.

Nguyên tắc thứ năm: nguyên tắc cân bằng lợi ích (còn được gọi là nguyên tắc bảo đảm sự cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ). Theo nguyên tắc này việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT phải tạo được sự hài hoà và cân bằng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa chủ sở hữu quyền SHTT và cộng đồng xã hội.Việc bảo hộ không thoả đáng quyền lợi của các nhà sáng tạo-chủ sở hữu quyền- bị coi là thực tiễn thương mại thiếu lành mạnh và là rào cản đối với thị trường tự do và mở cửa, khi các đối thủ cạnh tranh trên thị trường đó, không cần đầu tư cho nghiên cứu và triển khai (R&D), có thể bắt chước, sao chép và bán sản phẩm với giá rẻ hơn nhiều, và vì thế chiếm chỗ và loại các sản phẩm hợp pháp và chính hiệu ra khỏi thị trường đó, dẫn đến việc các nhà sản xuất - chủ sở hữu quyền - không có khả năng thu hồi vốn và lợi nhuận cần thiết để tiếp tục duy trì hoạt động sáng tạo, kể cả việc tạo ra các sản phẩm mới. Tuy nhiên, bên cạnh sự đảm bảo lợi ích cho cả người sáng tạo và người sử dụng công nghệ thì cần phải đảm bảo lợi ích kinh tế xã hội nói chung. Vì vậy, trong việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT có thể thực hiện các biện pháp cần thiết, như để bảo đảm vấn đề y tế và dinh dưỡng cho nhân dân, và thúc đẩy lợi ích công cộng trong những lĩnh vực có tầm quan trọng sống còn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và công nghệ của mình, với điều kiện là các biện pháp đó không được trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Đồng thời, có thể cần đến những biện pháp phù hợp để ngăn ngừa sự lạm dụng các quyền sở hữu trí tuệ bởi những người nắm quyền hoặc ngăn chặn các hành vi gây cản trở hoạt động thương mại hoặc chuyển giao công nghệ một cách bất hợp pháp. Chính vì vậy, việc đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích trong cơ chế thực thi quyền SHTT sẽ góp phần bảo đảm việc thực thi pháp luật về quyền SHTT một cách hiệu lực, hiệu quả và mang tính bền vững, ổn định lâu dài. Do đó, nguyên tắc này phải là một trong những nguyên tắc trụ cột của việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT ở nước ta.

Ngoài những nguyên tắc cơ bản nêu trên, cơ chế bảo hộ và thực thi quyền SHTT tại Việt Nam còn phải được thiết lập và vận hành dựa trên hai nguyên tắc quan trọng khác, đó là: nguyên tắc Đối xử quốc gia và nguyên tắc Tối huệ quốc. Hai nguyên tắc này sẽ được áp dụng trong việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước hữu quan (cùng ký kết, hoặc tham gia với Việt Nam các Điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương về SHTT).

Với một số phân tích ở trên, hy vọng rằng Luật Sở hữu trí tuệ tương lai củaViệt Nam, với phương châm hiện đại và dân tộc, kế thừa và chọn lọc, khoa học và thực tiễn... sẽ chứa đựng những nền tảng tư tưởng của thiết chế thực thi quyền SHTT đã được ghi nhận trong các điều ước quốc tế (mà Việt Nam đã và sẽ cam kết) cũng như đã được công nhận và thi hành ở các nước trên thế giới, thực sự hội nhập toàn diện và đầy đủ vào cộng đồng quốc tế.